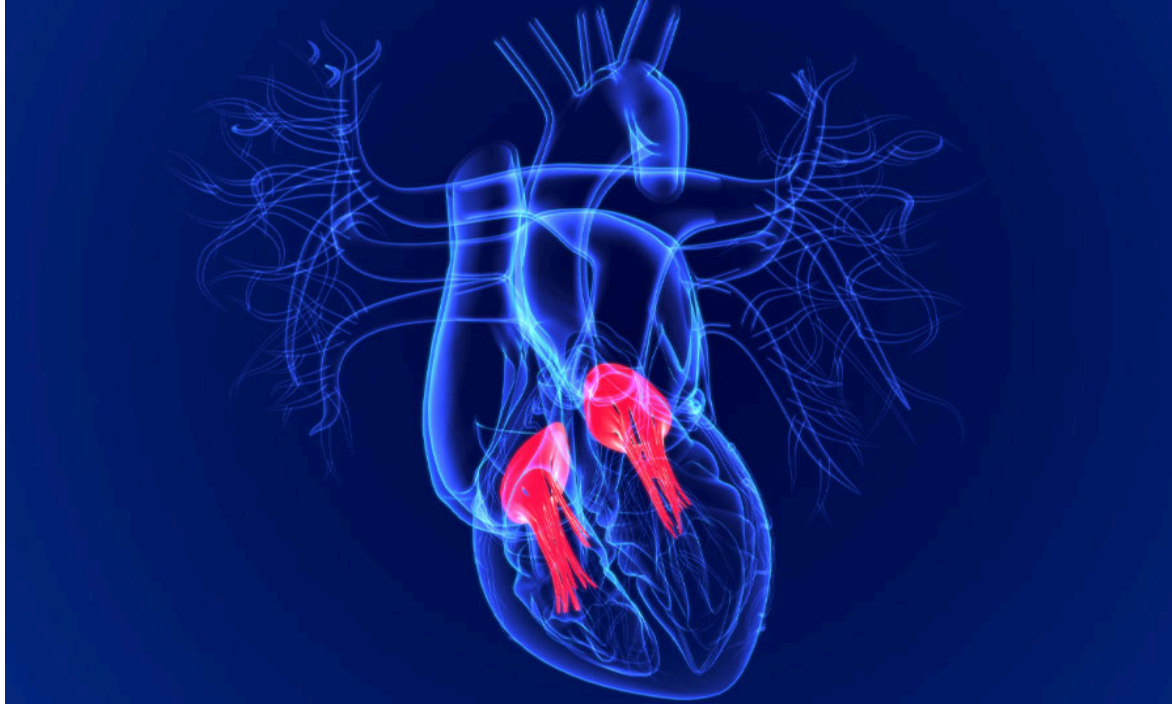


Bệnh van tim và những điều cần biết

1. Định nghĩa van tim



Nguồn hình ảnh:

<https://www.medicalindependent.ie/clinical-news/heart-valve-disease-common-serious-but-treatable/> (Heart valve disease: Common, serious, but treatable)

Van tim là các cấu trúc nằm trong buồng tim, hoạt động như những "cánh cửa" để đảm bảo máu di chuyển đúng lúc và đúng hướng giữa các buồng tim và các mạch máu lớn. Các van này có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự lưu thông máu qua tim và bảo vệ cơ thể khỏi các vấn đề tim mạch nghiêm trọng.

2. Cấu tạo

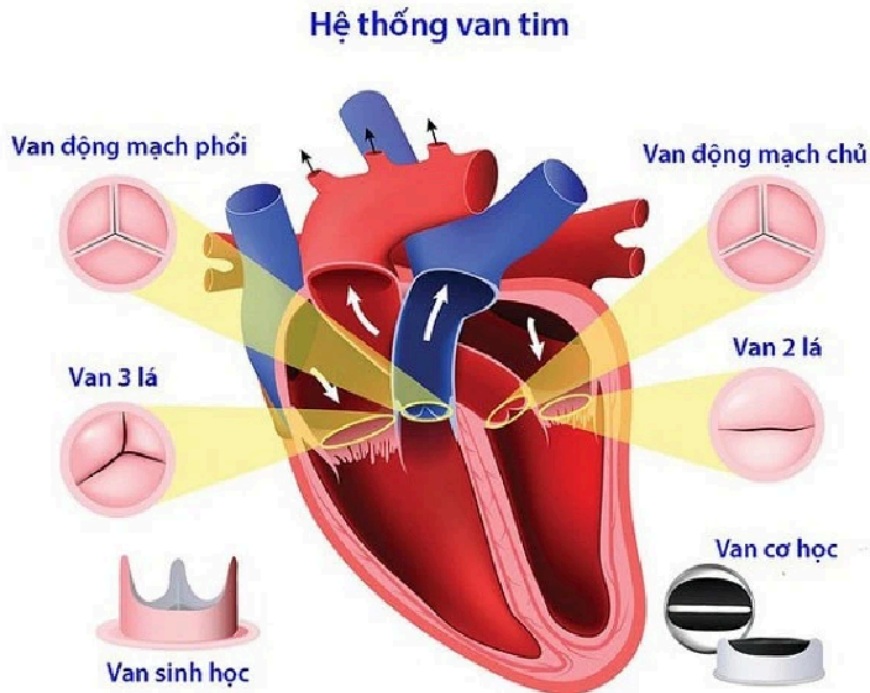
Tim người có bốn van chính:

Van hai lá: Bao gồm lá trước và lá sau, van này kiểm soát dòng máu từ tâm nhĩ trái vào tâm thất trái. Khi van hai lá đóng lại, nó ngăn ngừa tình trạng máu chảy ngược vào tâm nhĩ trái.

Van ba lá: Bao gồm lá trước, lá sau và lá vách, van ba lá điều chỉnh máu từ tâm nhĩ phải xuống tâm thất phải. Khi van đóng lại, nó ngăn máu không chảy ngược trở lại tâm nhĩ phải.

Van động mạch phổi: Nằm giữa tâm thất phải và động mạch phổi, van này giúp máu được bơm từ tim qua động mạch phổi để đi đến phổi.

Van động mạch chủ: Nằm giữa tâm thất trái và động mạch chủ, van này điều chỉnh máu từ tâm thất trái ra ngoài cơ thể.



Nguồn hình ảnh: Bệnh van tim và những điều cần biết (TS.BS. CKII. PHAN THÁI HẢO, FACC, FESC, TRƯỞNG ĐƠN VỊ NỘI)

3. Bệnh van tim

Bệnh van tim xảy ra khi một hoặc nhiều van tim không hoạt động đúng cách, làm ảnh hưởng đến lưu lượng máu qua các buồng tim và cơ thể. Các vấn đề van tim thường gặp bao gồm van không mở hoàn toàn (hẹp van) hoặc không đóng kín (hở van).

Theo Hội Tim mạch Châu Âu (ESC, 2020), tỷ lệ mắc bệnh van tim ở các quốc gia phát triển đang gia tăng do tuổi thọ trung bình cao và bệnh lý thoái hóa van tim.

4. Các loại bệnh van tim

4.1. Hẹp van tim

Hẹp van hai lá: Là tình trạng van hai lá không mở đủ để máu từ tâm nhĩ trái đi vào tâm thất trái. Đây là nguyên nhân chính gây tắc nghẽn trong tim, gây khó khăn cho quá trình bơm máu.

Hẹp van ba lá: Đây là tình trạng hiếm gặp khi van ba lá không mở hoàn toàn, khiến máu không thể di chuyển từ tâm nhĩ phải vào tâm thất phải.

Hẹp van động mạch chủ: Là bệnh lý van động mạch chủ, khiến dòng máu từ tâm thất trái không thể đi vào động mạch chủ.

Hẹp van động mạch phổi: Là tình trạng mà van động mạch phổi không mở đủ rộng, cản trở máu từ tâm thất phải đi vào động mạch phổi.

4.2. Hở van tim

Hở van hai lá: Xảy ra khi van hai lá không đóng kín, khiến máu từ tâm thất trái chảy ngược vào tâm nhĩ trái.

Hở van ba lá: Là tình trạng khi van ba lá không đóng chặt, khiến máu chảy ngược vào tâm nhĩ phải.

Hở van động mạch chủ: Khi van động mạch chủ không đóng kín, máu có thể chảy ngược vào tâm thất trái trong thời kỳ tâm trương.

Hở van động mạch phổi: Là tình trạng van động mạch phổi không đóng kín, làm máu chảy ngược vào tâm thất phải.

5. Nguyên nhân gây bệnh van tim

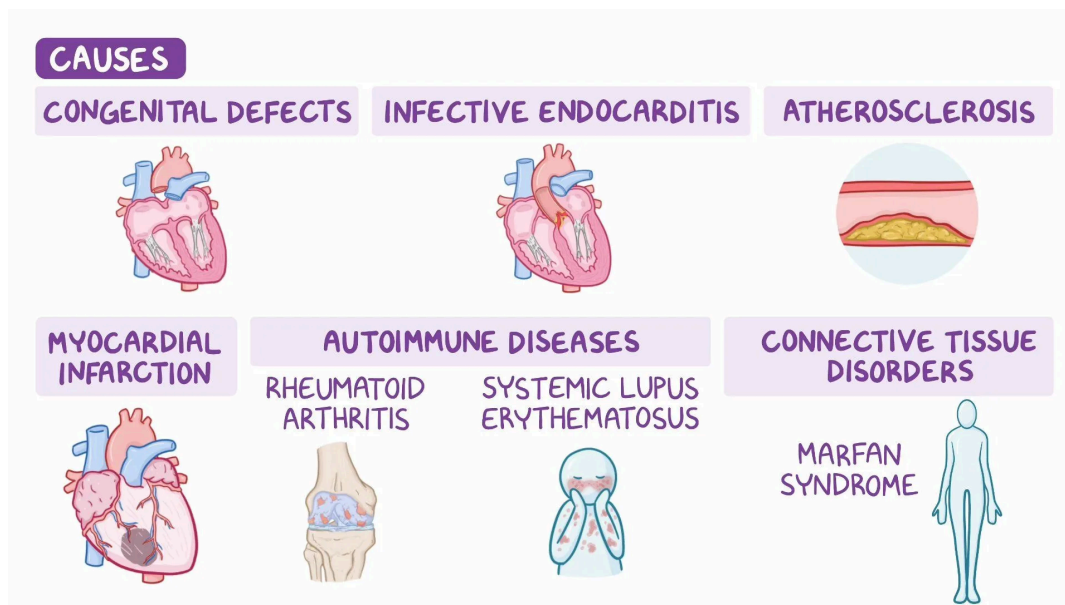
Thoái hóa: Thoái hóa van tim theo tuổi tác là nguyên nhân chính gây bệnh van tim ở các quốc gia phát triển. Theo nghiên cứu từ ESC, trên 50% bệnh nhân trên 75 tuổi mắc bệnh hẹp van động mạch chủ do thoái hóa.

Hậu thấp tim: Thấp tim là nguyên nhân gây hẹp van hai lá ở các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là những nơi có dịch tễ thấp tim còn phổ biến. ESC ước tính có khoảng 15 triệu người trên toàn cầu sống chung với hậu quả của thấp tim.

Dị tật bẩm sinh: Một số bệnh nhân có các van tim bất thường từ khi sinh ra, dẫn đến các vấn đề về van như hẹp hoặc hở van.

Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng: Do vi khuẩn hoặc nấm xâm nhập vào tim, gây tổn thương van tim.

Các bệnh lý tim mạch khác: Bao gồm bệnh cơ tim giãn nở, lupus và bệnh lý động mạch chủ.



Nguồn hình ảnh: https://www.osmosis.org/learn/Valvular_Heart_Disease (Valvular Heart Disease)

6. Triệu chứng nhận biết

Các triệu chứng phổ biến của bệnh van tim bao gồm:

Khó thở: Đặc biệt khi gắng sức, là dấu hiệu của suy tim do van hai lá hẹp hoặc hở van động mạch chủ.

Đau ngực: Do thiếu máu nuôi cơ tim, thường gặp ở bệnh nhân có hẹp van động mạch chủ hoặc hở van động mạch chủ.

Mệt mỏi: Cảm giác mệt mỏi thường xuyên do cơ thể không nhận đủ máu và oxy.

Hồi hộp: Tim đập không đều do các vấn đề về van hai lá hoặc hở van ba lá.

Phù: Phù ở chân và bụng là dấu hiệu của suy tim phải hoặc suy tim trái.

Ngất xỉu: Do giảm lưu lượng máu lên não, là dấu hiệu của hẹp van động mạch chủ.

Đột quỵ: Nguy cơ cao do cục máu đông hình thành trong tim, đặc biệt là trong rung nhĩ.

7. Biến chứng của bệnh

Suy tim: Là biến chứng thường gặp nhất do các van không hoạt động hiệu quả.

Rung nhĩ: Là một dạng loạn nhịp tim phổ biến, đặc biệt ở bệnh nhân có hẹp van hai lá hoặc hở van động mạch chủ.

Đột quỵ: Do cục máu đông di chuyển từ tâm nhĩ trái lên não.

Viêm nội tâm mạc nhiễm trùng: Biến chứng do vi khuẩn xâm nhập vào van tim.

8. Chẩn đoán bệnh van tim

Hỏi bệnh sử và thăm khám: Đánh giá triệu chứng và tiền sử bệnh của bệnh nhân.

Điện tâm đồ (ECG): Để phát hiện bất thường về nhịp tim, đặc biệt là rung nhĩ.

X-quang tim phổi: Để đánh giá kích thước tim và dấu hiệu của suy tim.

Siêu âm tim: Phương pháp chẩn đoán chính xác nhất giúp phát hiện hẹp và hở van tim.

CT tim, MRI tim: Được sử dụng trong trường hợp phức tạp để đánh giá chi tiết hơn về cấu trúc van tim.



Nguồn hình ảnh:

<https://www.bhf.org.uk/what-we-do/our-research/research-successes/imaging-the-heart> (British Heart Foundation)

9. Điều trị nội khoa

Theo dõi định kỳ: Tùy vào mức độ bệnh, bệnh nhân sẽ được theo dõi mỗi 6 tháng, 3 tháng hoặc 1 tháng.

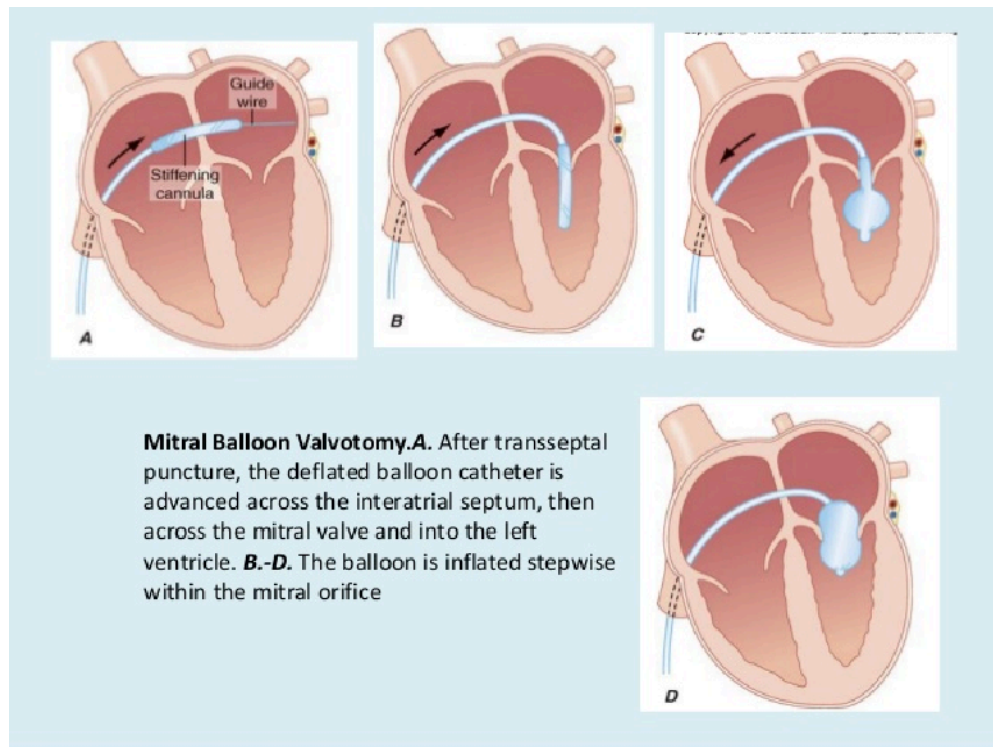
Thuốc lợi tiểu: Giúp giảm phù nề và giảm tải cho tim.

Thuốc chống đông: Đặc biệt trong trường hợp rung nhĩ để ngăn ngừa đột quỵ.

Thuốc điều trị suy tim: Dùng cho bệnh nhân có suy tim do hẹp hoặc hở van tim.

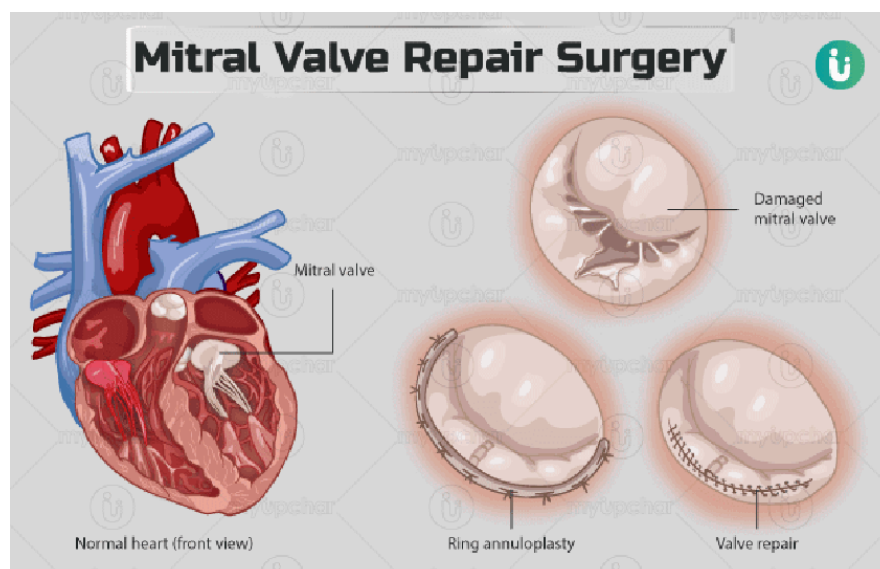
10. Điều trị can thiệp

Nong van hai lá: Được sử dụng trong trường hợp hẹp van hai lá.



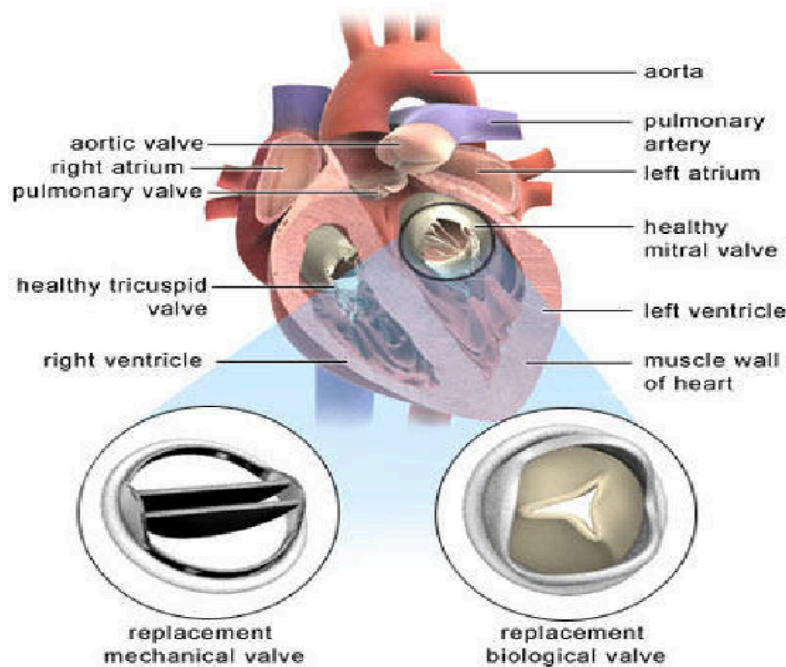
Nguồn hình ảnh: Bệnh van tim và những điều cần biết (TS.BS. CKII. PHAN THÁI HẢO, FACC, FESC, TRƯỞNG ĐƠN VỊ NỘI)

Phẫu thuật sửa van tim: Phương pháp điều trị hở van.



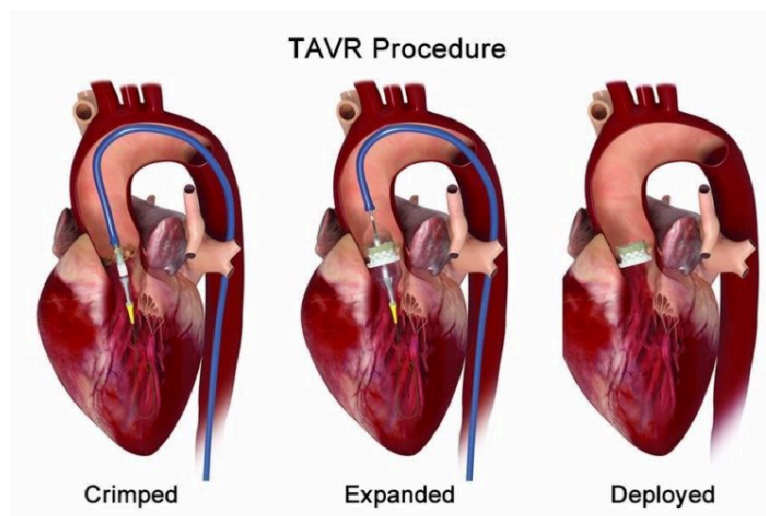
Nguồn hình ảnh: Bệnh van tim và những điều cần biết (TS.BS. CKII. PHAN THÁI HẢO, FACC, FESC, TRƯỞNG ĐƠN VỊ NỘI)

Phẫu thuật thay van tim: Van cơ học hoặc van sinh học tùy theo tình trạng bệnh nhân.



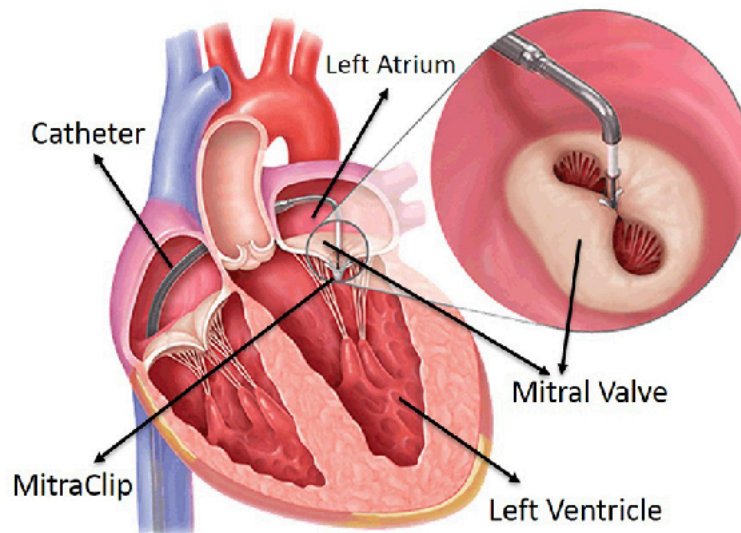
Nguồn hình ảnh: Bệnh van tim và những điều cần biết (TS.BS. CKII. PHAN THÁI HẢO, FACC, FESC, TRƯỞNG ĐƠN VỊ NỘI)

Thay van qua ống thông (TAVR): Dành cho bệnh nhân bị hẹp van động mạch chủ.



Nguồn hình ảnh: Bệnh van tim và những điều cần biết (TS.BS. CKII. PHAN THÁI HẢO, FACC, FESC, TRƯỞNG ĐƠN VỊ NỘI)

Clip van hai lá: Phương pháp điều trị cho hở van hai lá.



Nguồn hình ảnh: Bệnh van tim và những điều cần biết (TS.BS. CKII. PHAN THÁI HẢO, FACC, FESC, TRƯỞNG ĐƠN VỊ NỘI)

Kết luận Bệnh van tim, nếu không được phát hiện và điều trị kịp thời, có thể dẫn đến các biến chứng nghiêm trọng như suy tim, rung nhĩ, đột quỵ và viêm nội tâm mạc nhiễm trùng. Tuy nhiên, với các phương pháp chẩn đoán và điều trị hiện đại, bệnh nhân có thể cải thiện chất lượng sống và giảm nguy cơ biến chứng.

TS. BS CKII. Phan Thái Hảo

FACC, FESC

TRƯỞNG ĐƠN VỊ NỘI

